

Bản án số: **154/2022/HS-PT**

Ngày: 20-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Tn phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Long

Ông Phan Vĩnh Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thiên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lương Hồng Minh - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 144/2022/TLPT-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Hà Trần Phước H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Hà Trần Phước H (Chít), sinh ngày 01/10/1996 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Phòng n nhà b, Chung cư V, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Minh L và bà Trần Thị Minh T, có vợ là Nguyễn Thị Xuân V (đã ly hôn) và 02 con (con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 31/8/2016 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 15 tháng.

- Ngày 26/9/2014 bị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Trần Đình Hi, sinh ngày 23/3/2001 tại Lâm Đồng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Kx/36 Quang T, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Ky/1 Bàu Nặng 1, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình H và bà Phan Thị Thu H (đã chết); Tiền án, Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 16/9/2021 bị Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự. (*Bị cáo có kháng cáo, sau đó rút đơn và được đình chỉ theo Quyết định đình chỉ số 106/2021/HSPT-QĐ ngày 15/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng*).

Bị cáo bị bắt giam ngày 07/01/2022 trong vụ án khác, có mặt.

3. Lê Minh N (Lê B), sinh ngày 16/10/2003 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Kz/H30/03 Ngô Quyền, tổ 31, phường Mân Thái, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn H và bà Lê Thị Ý L; Tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 21/9/2021 bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xử phạt 02 năm tù về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt giam ngày 03/11/2021 trong vụ án khác, có mặt.

4. Trần Đình T, sinh ngày 05/8/2002 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: K36/36 Quang T, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Chỗ ở: Kx/1 Bàu Nặng 1, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Đình H và bà Phan Thị Thu H (đã chết); Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Xuân Tn, sinh ngày 07/12/2003 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường và chỗ ở: x Nại Thịnh 5, tổ 14, phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Phụ bếp; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc:

Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân D và bà Huỳnh Thị Thùy T; Tiền án, Tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

6/ Nguyễn Văn H, sinh ngày 07/9/2001 tại Đà Nẵng; Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở: Kx/07 Hải Phòng, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn D và bà Đặng Thị H; Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Bị cáo không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị: Nguyễn Văn P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19h ngày 17/10/2021, tại quán Lá số 27 Nguyễn Đôn Tiết, phường Thuận Phước, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng do anh Nguyễn Trần Đức Thọ làm chủ, Hà Trần Phước H và bạn bè gồm: Phạm Thị Thu Hương (bạn gái H), Trần Đình T, Nguyễn Văn H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Hoàng Thị Tuyết Trinh, Trần Văn Toàn cùng Phú, Thuận (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*). Ngồi được khoảng 15 phút thì Hi đi dự sinh nhật bạn tại đường Châu Thị Vĩnh Tế, thành phố Đà Nẵng (*Hi không có xe nên nhờ H chở sang rồi H quay về tiếp tục nhậu với H*), cả nhóm còn lại tiếp tục ăn nhậu.

Đến khoảng 21 giờ 15 phút cùng ngày, giữa H và bạn gái có cãi nhau lớn tiếng gây sự chú ý cho các bàn bên cạnh. Cụ thể, có bàn nhậu của Trương N Anh gồm Trương N Anh, Hoàng Thiên Phúc, Nguyễn Hữu Minh Tấn, Nguyễn Thị Giao Linh và vợ chồng Cường (*chưa xác định được nhân thân, lai lịch*) ngồi gần đó. H cho rằng có người bên bàn anh N Anh nhìn đều nên dùng chân đá ghế và nói “*thích nhìn cái chi*”. Mọi người trong bàn can ngăn và tính tiền để ra về. Sau khi ra khỏi quán, H nói T gọi cho Hi đến, Hi đồng ý nhưng không có xe nên Nguyễn Văn H chạy xe sang chở Hi. Lúc này Hi đang nhậu cùng Lê Xuân Tn, Nguyễn Văn P cùng một số bạn tại đường Châu Thị Vĩnh Tế, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Khi H đến chở Hi thì Lê Xuân Tn, Nguyễn Văn P và bạn bè ngồi lại nhậu tiếp, được một lúc thì Tn, P cũng chạy sang xem tình hình.

Khi H chở Hi sang thì cả nhóm gặp nhau tại trước nhà số 47 Lý Tự Trọng, lúc này có H, H, Hi, T, P, Tn, N và bạn gái N là Hoàng Thị Tuyết Trinh. H nói với Hi: “*Anh gây lộn với mấy thằng ngồi nhậu trong quán Lá, chừ xuống quán đánh mấy thằng đó*”, Hi liền hỏi: “*Chừ xuống chơi bằng chi anh*” thì H nói “*có chi chơi*

náy, dùng vỏ bia, ghé của quán”, cả nhóm đồng ý. T điều khiển xe mô tô BKS 43C1-749.21 chở H, H điều khiển xe mô tô BKS 43C1-658.36 chở Hi, Tn điều khiển xe mô tô BKS 43K1-412.46 chở P. Lê Minh N do bị Hoàng Thị Tuyết Trinh ngăn cản không cho tham gia nên có giăng co, N chở Trinh đi phía sau đi vào đường hẻm để đến quán Lá (*Đến nơi thì Trinh bỏ về còn N ở lại*).

Đến khoảng 22 giờ 45 phút cùng ngày, khi đến quán Lá, H thấy trong quán có rất nhiều khách đang ngồi ăn uống nhưng vẫn dùng ghé của quán ném về hướng nhóm bàn anh N Anh. T, Hi, Tn dùng vỏ bia, ghé, ly liên tục ném vào bên trong quán làm những người đang ngồi hoảng sợ, bỏ chạy. Trương N Anh, Nguyễn Hữu Minh Tấn cũng dùng ghé để chống đỡ và dùng ly, vỏ chai ném lại nhóm của H. Lúc này nhóm N Anh có thêm Dũng (*chưa xác định nhân thân, lai lịch*) dùng dao tự tạo chống trả lại nhóm của H. T chạy ra lấy xe để tẩu thoát thì bị ngã nên H, Hi, Tn, P, N quay lại tiếp tục dùng ghé, vỏ chai bia, gạch ném về phía nhóm Tấn và ném vào trong quán để giải vây cho T. H đứng ngoài nổ xe chở sẵn để chờ đồng bọn tẩu thoát. Sau khi thực hiện hành vi, T chở H, H chở Hi, Tn chở N và P đi đến cầu Thuận Phước, sau đó đi về nhà.

Hậu quả: Anh Trương N Anh bị thương tích 7%; nhiều tài sản trong quán bị hư hỏng tổng giá trị thiệt hại là 18.432.000 đồng ngoài ra còn tạo tâm lý hoang mang, lo sợ cho những người trong quán, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại khu vực.

Với nội dung nói trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Tuyên bố: Các bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình T, Trần Đình Hi, Lê Xuân Tn, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn H, Lê Minh N phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

1. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hà Trần Phước H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

2. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đình Hi 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức án 02 năm tù tại bản án số 50/2021/HSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Trần Đình Hi phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản

án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam – 07/01/2022.

3. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Minh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức án 02 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 10/2021/HS-PT-CTN ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Lê Minh N phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam – 03/11/2021.

4. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đình T 02 (hai) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

5. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án

6. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Xuân Tn 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn P nhưng bị cáo không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị; về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/10/2022, bị cáo Trần Đình Hi có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 07/10/2022, các bị cáo Hà Trần Phước H, Lê Minh N, Trần Đình T, Lê Xuân Tn, Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo với cùng nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

- Đơn kháng cáo về nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của 06 bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Trần Đình T, Lê

Xuân Tn và Nguyễn Văn H là trong thời hạn quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết.

- Về nội dung kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật; cũng như xử phạt bị cáo H mức án 03 năm 06 tháng tù, bị cáo Hi 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Lê Minh N 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Đình T 02 năm tù, bị cáo Nguyễn Văn H 01 năm 06 tháng tù, bị cáo Lê Xuân Tn 01 năm 06 tháng tù là đã tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho từng bị cáo; mức án đã tuyên đối với các bị cáo là không nặng; các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là đúng tội, không oan; các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Riêng bị cáo Lê Xuân Tn, Nguyễn Văn H bổ sung yêu cầu kháng cáo, xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Trần Đình T, Lê Xuân Tn và Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã cố ý thực hiện các hành vi sau đây:

Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 17/10/2021, do có mâu thuẫn với nhóm Trương N Anh, H khởi xướng cả nhóm gồm Trần Đình T, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Nguyễn Văn H, Lê Xuân Tn và Nguyễn Văn P quay lại quán để đánh nhóm của Trương N Anh và được cả nhóm đồng ý sau đó cùng thực hiện hành vi. T chở H, H chở Hi, Tn chở P, N đi xe với bạn gái cùng đến quán. Tại đây H, T, Hi, Tn, P, N dùng ghế gỗ, vỏ chai bia, ly thủy tinh, gạch đá ném vào vị trí bàn Trương N Anh trong quán làm khách trong quán bỏ chạy. Nhóm Trương N Anh một số bỏ chạy vào nhà vệ sinh, một số dùng ghế chống đỡ và dùng vỏ chai, ly thủy tinh ném lại nhóm Hà Trần Phước H để tự vệ. Khi nhóm N Anh đuổi được nhóm H, T chạy ra lấy xe và bị ngã nên H, Hi, Tn, P, N quay lại tiếp tục dùng ghế, vỏ chai bia, gạch ném về phía nhóm N Anh và ném vào trong quán để giải vây cho T. Riêng Nguyễn Văn H không trực tiếp ném, bị cáo chỉ chở Hi đi đánh nhau và chở tẩu thoát.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo, HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe, tài sản của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gây hoang mang, lo lắng cho những người đang sinh hoạt tại nơi công cộng. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo H có vai trò cầm đầu, khởi xướng cả nhóm đến quán dùng bàn, ghế, vỡ chai bia, gạch để ném vào bàn của Trương N Anh. Bị cáo Trần Đình Hi và Lê Minh N có nhân thân xấu, bị xét xử về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo Trần Đình T, chứng kiến việc bị cáo H thách thức nhóm của Trương N Anh, nhưng bị cáo không can ngăn mà đồng ý gọi cho anh trai là Trần Đình Hi sang để cùng cả nhóm ném chai, ly, bàn, ghế với nhóm của N Anh. Do đó, đối với các bị cáo phải xử lý nghiêm, cần thiết cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Xét Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo được hưởng theo quy định pháp luật, xử phạt bị cáo H mức án 03 năm 06 tháng tù, bị cáo Hi 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Lê Minh N 02 năm 06 tháng tù, bị cáo Trần Đình T 02 năm tù. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, Hi, N, T.

Riêng đối với bị cáo Lê Xuân Tn và Nguyễn Văn H, xét thấy các bị cáo tham gia với vai trò giúp sức, chỉ phạm tội nhất thời, phạm tội lần đầu, bị cáo H chỉ chở Hi đến quán và tẩu thoát chứ không có hành vi gây rối tích cực, bị cáo Tn phạm tội khi chưa thành niên nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra đến nay, các bị cáo đều khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Nhân thân các bị cáo tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, ông nội bị cáo Tn có nhiều đóng góp trong công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị cơ sở và được Bí thư Tn ủy Đà Nẵng tặng bằng khen. Bị cáo H được chủ quán Lá, người bị thiệt hại về tài sản xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, chưa cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội mà nên cho các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương. HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân Tn, Nguyễn Văn H, sửa án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho UBND phường nơi các bị cáo cư trú để theo dõi, giám sát các bị cáo.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do giữ nguyên quyết định về hình sự đối với các bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Trần Đình T nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân

Tn, Nguyễn Văn H được HĐXX chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Trần Đình T;

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về hình phạt đối với các bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Trần Đình T.

1.1. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Hà Trần Phước H 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

1.2. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đình Hi 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức án 02 năm tù tại bản án số 50/2021/HSST ngày 16/9/2021 của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Trần Đình Hi phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam – 07/01/2022.

1.3. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Lê Minh N 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với mức án 02 năm tù tại bản án hình sự phúc thẩm số 10/2021/HS-PT-CTN ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng buộc bị cáo Lê Minh N phải chấp hành hình phạt chung của cả

hai bản án là 04 (*bốn*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam – 03/11/2021.

1.4. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Trần Đình T 02 (*hai*) năm tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Xuân Tn và Nguyễn Văn H;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng về hình phạt đối với các bị cáo Lê Xuân Tn và Nguyễn Văn H.

2.1. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn H 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về UBND phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (*hai*) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.2. Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 318; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Lê Xuân Tn 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo về UBND phường Nại Hiên Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (*hai*) lần trở lên, thì Toà án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hà Trần Phước H, Trần Đình Hi, Lê Minh N, Trần Đình T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Lê Xuân Tn và Nguyễn Văn H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2022/HS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQCSDT CA quận Hải Châu;
- Phòng HSNV- CATP.Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- THADS quận Hải Châu;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hữu Vinh